

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ BÁO CÁO BỘ CHỈ SỐ NGHỊ QUYẾT SỐ 68-NQTW
(Kèm theo Công văn số 7493/UBND-KTTH ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Mã số	Tên chi tiêu	Đơn vị tính	Mã nhóm chỉ số	Tên nhóm chỉ số	Kỳ dữ liệu (Tháng/Quý/ Năm)	Chỉ số	Cơ quan chủ trì	Ghi chú
B.07.06	Số lượng các chương trình, sản phẩm truyền thông, chuyên đề về phát triển kinh tế tư nhân được xây dựng trên các phương tiện truyền thông của bộ, ngành, địa phương, hiệp hội	Chương trình/sản phẩm truyền thông	1	Đổi mới tư duy, thống nhất cao về nhận thức và hành động, khơi dậy niềm tin, khát vọng dân tộc, tạo xung lực mới, khí thế mới để phát triển kinh tế tư nhân	Tháng	Số lượng các chương trình, sản phẩm truyền thông, chuyên đề về phát triển kinh tế tư nhân được xây dựng trên các phương tiện truyền thông của bộ, ngành, địa phương, hiệp hội	Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh	Nêu rõ tên chương trình/sản phẩm truyền thông, cơ quan thực hiện, kênh phát hành và thời điểm phát hành
B.07.07	Tổ chức sự kiện, diễn đàn, tọa đàm, hội thảo về phát triển kinh tế tư nhân	Sự kiện	1	Đổi mới tư duy, thống nhất cao về nhận thức và hành động, khơi dậy niềm tin, khát vọng dân tộc, tạo xung lực mới, khí thế mới để phát triển kinh tế tư nhân	Tháng	Số lượng sự kiện, diễn đàn, tọa đàm, hội thảo về phát triển kinh tế tư nhân được tổ chức.	Các cơ quan, đơn vị, địa phương.	Nêu rõ tên sự kiện, thời gian, địa điểm/hình thức tổ chức, đơn vị chủ trì, số lượng đại biểu tham dự và nhóm đối tượng tham gia
B.07.08	Chi số xây dựng, rà soát, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật, đề án, chương trình (sau đây gọi tắt là văn bản QPPL, đề án) hoàn thành đúng tiến độ	Số văn bản QPPL, đề án	2	Đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách, bảo đảm và bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, quyền cạnh tranh bình đẳng của kinh tế tư nhân và bảo đảm thực thi hợp đồng của kinh tế tư nhân	Tháng		- Sở Tư pháp (báo cáo đối với nội dung liên quan đến xây dựng, kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật); - Các sở, ngành, đơn vị (báo cáo đối với nội dung liên quan đến các đề án, chương trình).	Nêu rõ tên nhiệm vụ, sản phẩm đầu ra, tiến độ thực hiện, trong đó nêu rõ tên văn bản hoặc hồ sơ đã trình/ban hành
B.07.09	Chi số về thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh đã thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh	Số lượng, tỷ lệ TTHC, ĐKKD được cắt giảm; số lượng, tỷ lệ thời gian được cắt giảm, số tiền và tỷ lệ chi phí tuân thủ được cắt giảm	2	Đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách, bảo đảm và bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, quyền cạnh tranh bình đẳng của kinh tế tư nhân và bảo đảm thực thi hợp đồng của kinh tế tư nhân	Tháng		Văn phòng UBND tỉnh	Ghi rõ các thông tin liên quan và phân loại theo số lượng, thời gian và chi phí cắt giảm
B.07.10	Chi số về triển khai cung cấp dịch vụ công cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Số lượng và tỷ lệ dịch vụ công cung cấp không phụ thuộc địa giới hành chính	2	Đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách, bảo đảm và bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, quyền cạnh tranh bình đẳng của kinh tế tư nhân và bảo đảm thực thi hợp đồng của kinh tế tư nhân	Tháng		Văn phòng UBND tỉnh	Nêu rõ số lượng, tỷ lệ thủ tục hành chính hoặc dịch vụ công đã triển khai theo hình thức không phụ thuộc địa giới hành chính

B.07.11	Chỉ số về tiếp nhận, xử lý vướng mắc, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh tại chuyên mục riêng trên trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	Số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh phản ánh các vướng mắc, kiến nghị tại chuyên mục riêng trên trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	2	Đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách, bảo đảm và bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, quyền cạnh tranh bình đẳng của kinh tế tư nhân và bảo đảm thực thi hợp đồng của kinh tế tư nhân	Tháng		Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Nêu rõ tên chuyên mục, đường dẫn truy cập, cơ quan quản lý và tình trạng hoạt động; phân loại số kiến nghị tiếp nhận và số kiến nghị đã được xử lý.
B.07.14	Chỉ số về tạo quỹ đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở ươm tạo cho doanh nghiệp công nghệ cao, DNNVV và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo quy định	Tổng số diện tích bình quân/khu công nghiệp, cụm công nghiệp hoặc tỷ lệ diện tích đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn dành cho doanh nghiệp công nghệ cao, DNNVV và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	3	Tạo thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận các nguồn lực về đất đai, vốn, nhân lực chất lượng cao	Tháng		Ban Quản lý KKT Dung Quất và KCN Quảng Ngãi tổng hợp số liệu trong KCN; Sở Công thương tổng hợp số liệu trong CCN	Nêu rõ diện tích đất đã bố trí, tỷ lệ quỹ đất đã bố trí, tiêu chí, thủ tục tiếp cận; thông tin về các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã bố trí quỹ đất
B.07.15	Chỉ số về nhà, đất là tài sản công chưa sử dụng tại địa phương	Số lượng nhà, đất là tài sản công chưa sử dụng trên địa bàn được công khai dành cho doanh nghiệp công nghệ cao, DNNVV và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	3	Tạo thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận các nguồn lực về đất đai, vốn, nhân lực chất lượng cao	Tháng		Sở Tài chính	Nêu rõ đường dẫn công khai, văn bản ban hành, số lượng cơ sở nhà, đất, tổng diện tích và tiêu chí, thủ tục tiếp cận
B.07.16	Chỉ số về kinh phí bố trí của địa phương hỗ trợ một phần đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở ươm tạo dành cho doanh nghiệp công nghệ cao, DNNVV và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Triệu đồng	3	Tạo thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận các nguồn lực về đất đai, vốn, nhân lực chất lượng cao	Tháng		Sở Tài chính	Xác định rõ số kinh phí địa phương đã bố trí để đầu tư vào các hạng mục gồm hỗ trợ thu hồi đất, bồi thường, tái định cư; hỗ trợ đầu tư công trình kết cấu hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải và thông tin liên lạc
B.07.17	Chỉ số tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở ươm tạo của DNNVV, doanh nghiệp công nghệ hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo	Số lượng doanh nghiệp được tiếp cận và số kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp thuê lại đất trong vòng 05 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất với chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ	3	Tạo thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận các nguồn lực về đất đai, vốn, nhân lực chất lượng cao	Tháng		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nêu rõ số lượng doanh nghiệp thuộc đối tượng được hỗ trợ thuê lại đất tại phần diện tích đã bố trí trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở ươm tạo (chỉ tiết theo từng nhóm đối tượng) và tỷ lệ doanh nghiệp được tiếp cận chính sách trên tổng số doanh nghiệp tại địa phương; số kinh phí từ ngân sách địa phương đã thực hiện hỗ trợ giảm tiền thuê lại đất cho các đối tượng này (chỉ tiết: tỷ lệ giảm đảm bảo tối thiểu 30% tiền thuê lại đất trong vòng 5 năm); Không tính trùng doanh nghiệp thuê nhiều cơ sở trong cùng một kỳ

B.07.18	Chỉ số tiếp cận nhà, đất là tài sản công chưa sử dụng hoặc không sử dụng tại địa phương của doanh nghiệp công nghệ cao, DNNVV, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Số lượng doanh nghiệp được tiếp cận và số kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp thuê	3	Tạo thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận các nguồn lực về đất đai, vốn, nhân lực chất lượng cao	Tháng		Sở Tài chính	Nêu rõ số cơ sở nhà, đất đã được xử lý; diện tích, địa điểm, hình thức và thời hạn thuê; số doanh nghiệp thuê theo từng nhóm đối tượng; tỷ lệ doanh nghiệp được tiếp cận chính sách so với tổng số doanh nghiệp tại địa phương. Không tính trùng doanh nghiệp thuê nhiều cơ sở trong cùng một kỳ. Số kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp thuê nhà theo phương thức niêm yết giá theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP) và số kinh phí giảm tiền thuê nhà theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP)
B.07.19	Chỉ số tăng trưởng dư nợ tín dụng đối với doanh nghiệp tư nhân, trong đó có DNNVV	tỷ lệ (%) dư nợ tín dụng cho khu vực KTTN và DNNVV	3	Tạo thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận các nguồn lực về đất đai, vốn, nhân lực chất lượng cao	Tháng		Ngân hàng nhà nước khu vực 9	Nêu rõ dư nợ đối với DNNVV; trường hợp có số liệu theo ngành, phân tách tín dụng cho DNNVV thực hiện chuyển đổi số, đổi mới công nghệ, áp dụng tiêu chuẩn ESG, xuất khẩu và chuỗi cung ứng
B.07.20	Chỉ số tiếp cận của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh với các khoản vay có hỗ trợ lãi suất 2%/năm để triển khai các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn ESG	số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được vay vốn với lãi suất hỗ trợ 2%/năm để triển khai các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn ESG và số kinh phí NSNN hỗ trợ lãi suất cho các đối tượng này	3	Tạo thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận các nguồn lực về đất đai, vốn, nhân lực chất lượng cao	Tháng		Ngân hàng nhà nước khu vực 9	Nêu rõ số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã được hỗ trợ vay vốn thành công và số kinh phí NSNN dự kiến hỗ trợ lãi suất (số cam kết, số giải ngân tới kỳ báo cáo,...)
B.07.21	Chỉ số về hỗ trợ thuế, phí, lệ phí cho doanh nghiệp, cá nhân liên quan được hưởng chính sách miễn, giảm thuế về hoạt động khởi nghiệp sáng tạo	Số lượng doanh nghiệp, cá nhân liên quan được hưởng chính sách miễn, giảm thuế về hoạt động khởi nghiệp sáng tạo; tổng số thuế, phí, lệ phí thực hiện miễn, giảm	3	Tạo thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận các nguồn lực về đất đai, vốn, nhân lực chất lượng cao	Tháng		Thuế tỉnh	Phân loại theo doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, công ty quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp, DNNVV, chuyên gia và nhà khoa học; phân loại theo nhóm số được miễn và số được giảm thuế
B.07.22	Chỉ số đào tạo, bồi dưỡng giám đốc điều hành (thuộc Chương trình đào tạo, bồi dưỡng 10.000 giám đốc điều hành đến năm 2030)	Số doanh nghiệp được đào tạo, bồi dưỡng và số kinh phí NSNN hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Chương trình	3	Tạo thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận các nguồn lực về đất đai, vốn, nhân lực chất lượng cao	Tháng		Sở Tài chính	Nêu rõ số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ tham gia; thông tin về các loại khóa đào tạo đã hỗ trợ doanh nghiệp tham gia; số kinh phí hỗ trợ từ NSNN, số kinh phí huy động, tài trợ và số kinh phí đóng góp của học viên/doanh nghiệp
B.07.23	Chỉ số về hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho doanh nghiệp	Số doanh nghiệp đào tạo, đào tạo lại nhân lực và số kinh phí đào tạo, đào tạo lại nhân lực của doanh nghiệp	3	Tạo thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận các nguồn lực về đất đai, vốn, nhân lực chất lượng cao	Tháng/Quý		Sở Tài chính, Sở Công thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tư pháp, Thuế tỉnh (tổng hợp, báo cáo số liệu theo lĩnh vực quản lý).	Nêu rõ số lượng doanh nghiệp đào tạo và đào tạo lại nhân lực (nếu có); số kinh phí từ NSNN bị giảm trừ (số kinh phí của doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế khi tính thuế TNDN)

B.07.25	Chỉ số về doanh nghiệp thành lập quỹ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số	Số doanh nghiệp thành lập quỹ phát triển KHCN, ĐMST và chuyển đổi số; tổng số kinh phí các doanh nghiệp dành để lập quỹ (tối đa 20% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp)	4	Thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh doanh hiệu quả, bền vững trong kinh tế tư nhân	Quý/Năm		Sở Khoa học và Công nghệ, Thuế tỉnh (tổng hợp, báo cáo số liệu theo lĩnh vực quản lý).	Nêu rõ tổng số doanh nghiệp đã trích lập quỹ; tổng số tiền đã các doanh nghiệp đã trích thành lập quỹ
B.07.26	Chỉ số doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D)	Số lượng doanh nghiệp có hoạt động R&D và số kinh phí doanh nghiệp sử dụng cho hoạt động R&D	4	Thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh doanh hiệu quả, bền vững trong kinh tế tư nhân	Quý/Năm		Sở Khoa học và Công nghệ.	Nêu rõ tổng số doanh nghiệp đã có hoạt động R&D; tổng giá trị chi phí cho hoạt động R&D trên thực tế (tổng giá trị chi phí được tính vào chi phí được trừ cho hoạt động nghiên cứu, phát triển: tính bằng 200% chi phí thực tế khi xác định thu nhập chịu thuế)
B.07.28	Chỉ số về DNNVV đáp ứng tiêu chuẩn, chứng chỉ theo yêu cầu của thị trường xuất khẩu, doanh nghiệp đầu chuỗi hoặc doanh nghiệp FDI	Số DNNVV được hỗ trợ (đào tạo, tư vấn) về tiêu chuẩn, quy chuẩn, chứng chỉ, chứng nhận đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu, doanh nghiệp đầu chuỗi hoặc doanh nghiệp FDI	5	Tăng cường kết nối giữa các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI	Tháng		Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường và Sở Khoa học và Công nghệ (tổng hợp, báo cáo số liệu theo lĩnh vực quản lý).	Nêu rõ số doanh nghiệp đã được cấp chứng chỉ, chứng nhận; loại tiêu chuẩn, chứng chỉ; thị trường hoặc chuỗi giá trị mục tiêu (nếu có)
B.07.29	Chỉ số về phát triển doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong (thuộc Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiên phong giai đoạn 2026-2030)	Số lượng doanh nghiệp được công nhận trên Cổng Thông tin doanh nghiệp; số lượng doanh nghiệp tiên phong được hỗ trợ các nội dung của Chương trình; số kinh phí NSNN đã hỗ trợ hoặc cam kết hỗ trợ doanh nghiệp	6	Hình thành và phát triển các doanh nghiệp lớn và vừa, các tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và toàn cầu	Tháng		Sở Tài chính	Phân loại doanh nghiệp được công nhận và được hỗ trợ theo lĩnh vực ưu tiên hỗ trợ tại Quyết định số 631/QĐ-TTg ngày 06/4/2026
B.07.30	Chỉ số về hỗ trợ doanh nghiệp vươn ra thị trường quốc tế (thuộc Chương trình Go Global giai đoạn 2026-2030)	Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ các nội dung của Chương trình; số kinh phí NSNN đã hỗ trợ hoặc cam kết hỗ trợ doanh nghiệp	6	Hình thành và phát triển các doanh nghiệp lớn và vừa, các tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và toàn cầu	Tháng		Sở Công Thương	Phân loại doanh nghiệp được hỗ trợ theo các nội dung quy định tại Quyết định số 626/QĐ-TTg ngày 06/4/2026; nêu rõ số doanh nghiệp ký được hợp đồng, mở rộng thị trường xuất khẩu, thiết lập kênh phân phối hoặc kết nối thành công với đối tác quốc tế, nếu có
B.07.31	Chỉ số hỗ trợ miễn phí doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh về dịch vụ tư vấn pháp lý, đào tạo quản trị, kế toán, thuế, nhân sự	số lượng doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được miễn phí dịch vụ tư vấn pháp lý, đào tạo quản trị, kế toán, thuế, nhân sự; số kinh phí NSNN đã hỗ trợ	7	Hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh	Tháng		Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Công thương, Sở Khoa học và Công nghệ (tổng hợp, báo cáo số liệu theo lĩnh vực quản lý).	Phân loại theo nội dung hỗ trợ (pháp lý, đào tạo, tư vấn) và đối tượng hỗ trợ (doanh nghiệp, hộ kinh doanh/cá nhân kinh doanh); không tính trùng một đối tượng nhận nhiều hoạt động hỗ trợ trong cùng kỳ
B.07.32	Chỉ số về hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp	số lượng hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp	7	Hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh	Tháng		Sở Tài chính	Nêu rõ số lượng lũy kế từ đầu năm; phân loại theo quy mô và loại hình doanh nghiệp đăng ký thành lập lần đầu
B.07.33	Chỉ số về hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc diện quản lý thuế chuyển sang phương pháp kê khai, nộp thuế điện tử	số lượng và tỷ lệ (%) hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc diện quản lý thuế chuyển sang phương pháp kê khai, nộp thuế điện tử	7	Hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh	Tháng		Thuế tỉnh	Phân tách số liệu riêng đối với hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh; nêu rõ số đối tượng đã sử dụng hóa đơn điện tử, phần mềm kế toán hoặc công cụ hỗ trợ kê khai thuế như eTax Mobile

B.07.34	Chỉ số về tôn vinh, khen thưởng doanh nghiệp, doanh nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	số lượng doanh nghiệp, doanh nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tiêu biểu được tôn vinh, khen thưởng	8	Đề cao đạo đức kinh doanh, phát huy trách nhiệm xã hội và thúc đẩy tinh thần doanh nhân	Năm		Sở Nội vụ	Phân loại theo hình thức khen thưởng, tôn vinh; cấp trung ương, bộ, ngành, địa phương và tổ chức hiệp hội
---------	---	---	---	---	-----	--	-----------	---

LƯU Ý: Các đơn vị được giao chủ trì nhiệm vụ được phân công tổng hợp số liệu trên toàn tỉnh, gửi về sở Tài chính trước ngày 20 hàng tháng để tổng hợp báo cáo theo quy định